TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-KDTM	*T, ngày 10 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ Pháp lý làm đại diện theo Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, Quận C, Tp Hồ Chí Minh.

Ông T ủy quyền lại cho ông Đinh Văn P, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 12074/2024/UQN-PGD ngày 08/10/2024 của Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ Pháp lý; Địa chỉ: Tầng C, số H M, phường L, Tp Q, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P1; Địa chỉ: A L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Minh T1 – chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hà Minh T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2/ Ông Hà Minh B, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3/ Bà Nguyễn Ngọc Như T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện

Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng cộng số tiền còn nợ tính đến ngày 02/01/2025 là 7.756.589.347 đồng *(bảy tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 7.024.103.010 đồng *(bảy tỷ không trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn không trăm mười đồng)* và nợ lãi quá hạn 729.638.867 đồng *(bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng)*, phạt chậm trả 2.847.470 đồng *(hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể từng khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ số 231123-11490068-ONL-4 ngày 23/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 1.042.701.714 đồng *(một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm mười bốn đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 944.500.000 đồng *(chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn 97.852.140 đồng *(chín mươi bảy triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng)*, phạt chậm trả 349.574 đồng *(ba trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 231123-11490068-ONL-5 ngày 23/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 362.914.627 đồng *(ba trăm sáu mươi hai triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 324.103.010 đồng *(ba trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn không trăm mười đồng)* và nợ lãi quá hạn 38.438.757 đồng *(ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng)*, phạt chậm trả 372.860 đồng *(ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 241123-11490068-ONL-7 ngày 24/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 1.545.391.284 đồng *(một tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 1.400.000.000 đồng *(một tỷ bốn trăm triệu đồng)* và nợ lãi quá hạn 144.923.356 đồng *(một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng)*, phạt chậm trả 467.928 đồng *(bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 251123-11490068-ONL-8 ngày 25/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 1.549.946.388 đồng *(một tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi tám đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 1.400.000.000 đồng *(một tỷ bốn trăm triệu đồng)* và nợ lãi quá hạn 149.205.130 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm ba mươi đồng)*, phạt chậm trả 741.258 đồng *(bảy trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi tám đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 271123-11490068-ONL-9 ngày 27/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 392.698.280 đồng *(ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn hai*

trăm tám mươi đồng) trong đó nợ gốc quá hạn 355.500.000 đồng *(ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn 37.052.532 đồng *(ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm ba mươi hai đồng)*, phạt chậm trả 145.748 đồng *(một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 271123-11490068-ONL-10 ngày 27/11/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 709.407.622 đồng *(bảy trăm lẻ chín triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 644.500.000 đồng *(sáu trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn 64.543.965 đồng *(sáu mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*, phạt chậm trả 363.657 đồng *(ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng)*.

+ Khế ước nhận nợ số 050124-11490068-ONL-11 ngày 05/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 02/01/2025 là 2.153.529.432 đồng *(hai tỷ một trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng)* trong đó nợ gốc quá hạn 1.955.500.000 đồng *(một tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn 197.622.988 đồng *(một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm tám mươi tám đồng)*, phạt chậm trả 406.445 đồng *(bốn trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng)*.

- Thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 02/01/2025 đến ngày 31/3/2025, Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 trả dứt điểm cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 02/01/2025 là 7.756.589.347 đồng *(bảy tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng)* và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số CLC-650-HANMUC-01 ký ngày 28/06/2023 và các khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/01/2025, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bao gồm Thửa đất số 122, TBĐ số: D4-III-D-c (đo đạc năm 1996) tọa lạc tại C T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS053671, số vào sổ cấp GCN số: CH00791 do U, tỉnh Phú Yên cấp ngày 19/12/2019 và Tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3, diện tích xây dựng 85.3 m^2, diện tích sàn 190.6 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS059713, số vào sổ cấp GCN số CH00792 do UBND thành phố U, tỉnh Phú Yên cấp ngày 09/01/2020 theo Hợp đồng thế chấp ngày 08/6/2023, số công chứng

1042 quyển số 06/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ký công chứng ngày 08/6/2023 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V .

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì ông Hà Minh T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-1314/23/SME/BLCN-01 ký ngày 08/6/2023 đã ký.

- Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*.

- Về án phí: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P1 tự nguyện chịu 57.878.300 đồng (*năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 57.740.000 đồng *(năm mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002966 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân S